

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

2015-2016
Học kỳ Xuân

PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Nhóm giảng viên

Giảng viên:	Vũ Thành Tự Anh	E-mail: anhvt@fetp.edu.vn
Đồng giảng viên:	Huỳnh Trung Dũng	E-mail: dunght@fetp.edu.vn
Thỉnh giảng:	Nguyễn Xuân Thành	E-mail: duongpc@fetp.edu.vn
Thỉnh giảng:	Phan Chánh Dưỡng	E-mail: duongpc@fetp.edu.vn
Trợ giảng:	Đào Thị Ngọc	E-mail: m4.daotn@fetp.edu.vn

Giờ lên lớp

Sáng thứ ba và thứ năm: 10:15 – 11:45

Giờ trực văn phòng

Vũ Thành Tự Anh: Chiều thứ tư và thứ sáu, 15:30 – 17:30

Huỳnh Trung Dũng: Chiều thứ ba và thứ năm, 15:30 – 17:30

Đào Thị Ngọc: Chiều thứ tư và thứ sáu, 15:30 – 17:30

Mục tiêu của môn học và phương pháp giảng dạy

Đây là môn học về năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế nhìn từ góc độ kinh tế học vi mô. Môn học này sử dụng khung phân tích vi mô về năng lực cạnh tranh (Microeconomics of Competitiveness) của GS. Michael Porter ở Trường Kinh doanh Harvard.

Mục tiêu của môn học này là nhằm trả lời câu hỏi: Làm thế nào một đơn vị hay tổ chức (chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, các cụm ngành, hiệp hội ngành nghề v.v.) xây dựng năng lực cạnh tranh để đạt được các mục tiêu phát triển của mình?

Phương pháp chính của môn học là sử dụng các tình huống nghiên cứu, chủ yếu lấy từ thư viện tình huống nghiên cứu của Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright và Trường Kinh doanh Harvard. Trước mỗi buổi học, học viên cần đọc và chuẩn bị kỹ tình huống nghiên cứu vì trọng số điểm cho phần tham gia trên lớp rất cao. Kết thúc khóa học, học viên sẽ thực hiện một dự án nhóm với nhiệm vụ chính là đánh giá năng lực cạnh tranh của một đơn vị, tổ chức và đưa ra các khuyến nghị cho đơn vị, tổ chức đó.

Mô tả nội dung môn học

Môn học được chia thành sáu phần. Trong phần I, học viên sẽ làm quen với các khái niệm cơ bản và khung phân tích của Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh. Phần này bắt đầu bằng định

nghĩa năng lực cạnh tranh và thảo luận các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh. Sau đó, các khái niệm này sẽ được minh họa thông qua tình huống nghiên cứu đầu tiên của môn học, trong đó học viên sẽ tìm hiểu cách thức phân tích một tình huống nghiên cứu Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh điển hình.

Trong phần II, học viên sẽ làm quen với một công cụ phân tích quan trọng – được gọi là “mô hình kim cương,” và một khái niệm then chốt – cụm ngành công nghiệp (industrial cluster). Mô hình kim cương là một phương pháp hữu ích để phân tích các thuộc tính lợi thế cạnh tranh của một đơn vị, tổ chức. Các thuộc tính này bao gồm các điều kiện đầu vào, như cầu, các ngành liên quan và hỗ trợ, chiến lược, cơ cấu và sự cạnh tranh của doanh nghiệp. Theo Porter, một cụm ngành được định nghĩa là “một nhóm công ty và các tổ chức liên kết gắn gũi với nhau về mặt địa lý trong một lĩnh vực cụ thể, kết nối với nhau bởi những điểm tương đồng với và tương hỗ cho nhau.” Khái niệm cụm ngành tiêu biểu cho một phương thức tư duy về cách thức phối hợp, xây dựng, và nâng cao năng lực cạnh tranh của một nền kinh tế (quốc gia, khu vực hay địa phương) thông qua việc gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động, kích thích và thúc đẩy đổi mới, và tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời các doanh nghiệp mới.

Phần III trình bày một loạt các nghiên cứu tình huống về chiến lược kinh tế với các phạm vi khác nhau (cộng đồng kinh tế, quốc gia, và chính quyền địa phương các cấp) và cho các loại nền kinh tế khác nhau ứng với các trình độ phát triển khác nhau (tiên tiến, đang phát triển, và chuyển đổi). Lợi thế cạnh tranh nằm trong chuỗi giá trị, và chiến lược là một phương tiện phối hợp để đề ra ưu tiên, xác định cấu hình và liên kết các hoạt động trong chuỗi giá trị với nhau. Cho đến cuối phần này, học viên sẽ nhận thức được rằng, để thúc đẩy năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế, nhiều hoạt động phải được thực hiện đồng thời trên nhiều mặt trận, từ việc nâng cao mức độ tinh xảo của doanh nghiệp cho đến sự phát triển cụm ngành cho đến cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, do nguồn lực có hạn, không thể đạt được tiến bộ đồng thời trên mọi mặt trận, và do đó phải đưa ra các quyết định có tính chiến lược để khai thác những lợi thế cạnh tranh mạnh nhất, đồng thời khắc phục những mối liên kết yếu nhất cản trở năng suất.

Phần IV thảo luận cách thức một quốc gia “nâng cấp” nền kinh tế của mình. Phát triển kinh tế phụ thuộc vào sự cải thiện liên tục những yếu tố góp phần vào năng lực cạnh tranh. Suy cho cùng, quá trình nâng cao trình độ phát triển kinh tế này phụ thuộc vào cách thức, và do đó mức độ hiệu quả, của việc huy động và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực và tài lực. Đối với một đất nước đang phát triển điển hình, nhiệm vụ quan trọng trong quá trình này là phát triển một khu vực tư nhân trong nước, thu hút đầu tư nước ngoài, xây dựng nguồn nhân lực, và cải cách cơ cấu; tất cả đều cần được thực hiện một cách hài hòa và đúng thời điểm.

Phần V sẽ cung cấp một thảo luận chuyên sâu về các khía cạnh khác nhau của năng lực cạnh tranh của Việt Nam. Phần này bắt đầu bằng việc thảo luận về năng lực cạnh tranh của các tỉnh thành, trong đó có ba tình huống đại diện cho ba miền Bắc, Trung, và Nam. Sau đó là thảo luận về năng lực cạnh tranh của các vùng. Cuối cùng là năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó sử dụng báo cáo mới công bố năm 2010 về năng lực cạnh tranh của Việt Nam (VCR 2010) để thảo luận các yếu tố cơ bản của nền kinh tế Việt Nam, kết quả đạt được, và kiến nghị một chương trình nghị sự nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong những năm sắp tới.

Cuối cùng, trong phần VI, các học viên sẽ thực hiện một dự án nhóm. Đây là một cơ hội để học

viên áp dụng khung phân tích năng lực cạnh tranh vào việc xây dựng chiến lược cạnh tranh cho một đơn vị, tổ chức cụ thể. Trong khi thực hiện dự án này, các nhóm phải báo cáo định kỳ cho nhóm giảng viên về đề tài, nội dung và tiến độ dự án. Đồng thời, nhóm giảng viên sẽ mời các diễn giả đến thảo luận các chủ đề Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh, đặc biệt là những lĩnh vực mà học viên cần thêm thông tin trong quá trình thực hiện dự án.

Yêu cầu đối với học viên

Đây là một môn học mang tính thực hành và ứng dụng cao. Trong quá trình học, học viên cần tranh thủ mọi cơ hội cả bên trong cũng như bên ngoài lớp học, để áp dụng các khái niệm và khung phát triển Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh.

Học viên nên đến lớp một cách chuyên cần, hoàn tất các yêu cầu của môn học, bao gồm các bài tập và dự án nhóm. Môn học này rất chú trọng đến sự tham gia và thảo luận của học viên trong các bài giảng và tình huống nghiên cứu.

Trong khi thực hiện dự án nhóm, học viên được khuyến khích hoạt động trên tinh thần hợp tác và sáng tạo. Để bảo đảm quá trình này được hoàn tất đúng thời hạn, dưới đây là những thời hạn mà các nhóm phải tuân theo:

- 31/3: Chọn đề tài
- 25/4: Nộp phác thảo đề cương
- 16/5: Nộp bản thảo lần thứ nhất
- 27/5: Nộp bản thảo cuối cùng
- 31/5 (5 giờ chiều): Nộp bài trình bày powerpoint

Chấm điểm

Mỗi học viên sẽ được đánh giá dựa trên chất lượng tham gia vào việc thảo luận tình huống, bài viết và thuyết trình. Cụ thể ra, điểm của học viên sẽ được tính như sau:

- Tham gia thảo luận: 30%
- Bài viết tình huống: 30%
- Bài thu hoạch sau nghiên cứu thực địa: 10%
- Bài viết nhóm: 20%
- Thuyết trình nhóm: 10%

Tài liệu tham khảo:

- Porter, Micheal E. (2008). *On Competition*, The Harvard Business Review Book Series, The Updated and Expanded Edition.
- Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương và Trường Chính sách công Lý Quang Diệu (2010). *Báo cáo năng lực cạnh tranh Việt Nam 2010*, Hà Nội.

- Porter, Micheal E. (1998). *Lợi thế cạnh tranh quốc gia*, Nhà xuất bản Trẻ và Tủ sách Doanh trí. Dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Comparative Advantage of Nations*, The Free Press, a Division of Simon & Schuster Inc., Second edition.

Phần	Ngày	Buổi học	Tình huống nghiên cứu	Bài đọc	
I: Giới thiệu: Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh	16/2	1. Khuôn khổ lý thuyết: Định nghĩa năng lực cạnh tranh và các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh	Phần Lan và Nokia (HBS 9-702-427)	<i>Giới thiệu khuôn khô lý thuyết đánh giá năng lực cạnh tranh</i> <i>On Competition</i> Chương 2, 6, 7	
	18/2	2. Khuôn khổ lý thuyết: Chiến lược kinh tế và tổ chức xây dựng năng lực cạnh tranh			
	23/2	3. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, cụm ngành, và quốc gia			
II: Địa điểm và các cụm ngành	25/2	4. Giới thiệu lý thuyết về cụm ngành	Cụm ngành rượu vang California (HBS 9-799-124)	<i>Giới thiệu khuôn khô lý thuyết đánh giá năng lực cạnh tranh</i>	
	1/3	5. Cụm ngành và phát triển cụm ngành: Các nền kinh tế tiên tiến			
	3/3	6. Cụm ngành và phát triển cụm ngành: Các nước đang phát triển /chuyển đổi			<i>Alcácer & Herman, Intel: Strategic Decisions in Locating a New Assembly and Test Plant</i>
	8/3	7. Các thể chế hỗ trợ hợp tác			Asociación Colombiana de Plásticos (Acoplásticos) (9-703- 437) Các thể chế để hợp tác: Tổng quan (HBS 9-703-436)
10/3	8. Thảo luận tổng kết Phần II				
III: Chiến lược kinh tế của quốc gia	15/3	9. Khuôn khổ đánh giá chiến lược kinh tế của các quốc gia		<i>Lợi thế cạnh tranh quốc gia: Chương 1</i>	

	17/3	10. Chiến lược kinh tế: Các nền kinh tế tiên tiến	Chuyển đổi Korea Inc.: Khủng hoảng tài chính và cải cách thể chế (HBS 9-708-007)	
	22/3	11. Chiến lược kinh tế: Các nền kinh tế đang phát triển	Malaysia: Nửa đường đến năm 2020 (HBS 9-707-002)	
	24/3	12. Chiến lược kinh tế: Các nền kinh tế chuyển đổi	Trung Quốc: Xây dựng chủ nghĩa tư bản với các đặc điểm xã hội chủ nghĩa (HBS 9-706-041)	
	29/4	13. Thảo luận tổng kết Phần III		
IV: Nâng cấp và tổ chức năng lực cạnh tranh	31/3	14. Nâng cấp nền kinh tế: Thu hút đầu tư nước ngoài	Indonesia: Thu hút đầu tư nước ngoài (HBS 9-708-420)	
	12/4	15. Nâng cấp nền kinh tế: Phát triển khu vực tư nhân	Bình Dương: Đồng hành cùng DN (Tinh hướng FETP)	Ngân hàng Thế giới: <i>Làm kinh doanh 2011</i>
	14-15/4	NGHIÊN CỨU THỰC ĐỊA		
	19/4	16. Nâng cấp nền kinh tế: Duy trì thịnh vượng của nguồn nhân lực		Trung tâm phát triển kỹ năng Penang ở Malaysia
	21/4	17. Nâng cấp nền kinh tế: Tái cấu trúc để cải thiện năng suất và hiệu quả	Singapore: Ủy ban cạnh tranh Singapore (HKU 033)	Các đề án tái cấu trúc kinh tế của Việt Nam
	5/5	18. Tổ chức năng lực cạnh tranh	Tái thiết Singapore (9-710-483)	McKinsey: Duy trì tăng trưởng ở Việt Nam: Thách thức về năng suất
V: Đánh giá năng lực cạnh tranh của Việt Nam	10/5	19. Năng lực cạnh tranh của các tỉnh thành ở Việt Nam [1]	An Giang: Cải thiện những tiên đề thiết yếu để phát triển địa phương (Tinh hướng FETP)	TPHCM tiến ra biển Đông

	12/5	20. Năng lực cạnh tranh của các tỉnh thành ở Việt Nam [2]	TP Hồ Chí Minh: Duy trì năng lực cạnh tranh (Tình huống FETP)	Đánh giá NCLT của Quảng Nam
	17/5	21. Năng lực cạnh tranh của các tỉnh thành ở Việt Nam [3]	Kinh tế mở Chu Lai: Phòng thí nghiệm cho đổi mới thể chế và chính sách (Tình huống FETP số)	ĐBSCL: Liên kết để phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh
	19/5	22. Năng lực cạnh tranh của các tỉnh thành ở Việt Nam [4]	Ninh Bình: Sự đánh đổi giữa năng lực cạnh tranh ngắn hạn và dài hạn (Tình huống FETP số)	VCR 2010
	24/5	23. Năng lực cạnh tranh vùng ở Việt Nam		
	26/5	24. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam: Nền tảng và chương trình nghị sự		
VI: Thuyết trình	1/6	Thuyết trình các dự án nhóm		